TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2024/DS-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Ông Võ Minh T
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 05 năm 2024. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) S
- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Là Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 266-268 N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

-*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Thanh Th - sinh năm: 1978 - Là Trưởng phòng giao dịch huyện Giồng Riềng *(theo văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022)*. Có mặt.

Địa chỉ: 956/14 Tr, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến T - sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Thanh Th trình bày:

Ngày 11/01/2019, Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng với ông Nguyễn Tiến T cho ông T vay tiền, mục đích tiêu dùng vốn gốc là 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/01/2020. Hình thức vay là tín chấp, không tài sản bảo đảm.

Quá trình vay vốn, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 30.183.000 đồng, lãi và phí là 13.212.159 đồng. Sau đó Ngân hàng đã cử cán bộ tín dụng nhiều lần đến trực tiếp trao đổi và nhắc nhở nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông T đã vi phạm Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 01/6/2020.

Tại phiên toà, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Tiến T phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp tín dụng tạm tính đến ngày 17/6/2024 nợ gốc là: 19.971.629 đồng, lãi quá hạn 40.959.981 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông T phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày 17/6/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành.

Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông T phải chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng đã giao kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông T, các bên đầy đủ năng lực hành vi, tự nguyện thỏa thuận, hợp đồng được lập thành văn bản, ông T không đưa ra ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án xem xét, ông T đã vi phạm nội dung các bên giao kết. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín, buộc ông T phải trả cho Ngân hàng TMCP Svốn gốc là: 19.971.629 đồng, lãi quá hạn 40.998.981 đồng.

Đề nghị buộc ông Nguyễn Tiến T phải chịu án phí dân sự giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông T phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm ký hợp đồng, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và nơi giao kết và thực hiện hợp đồng là huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không lý do tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/01/2019 thể hiện ông Nguyễn Tiến T có vay vốn thông qua hình thức cấp thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S với hạn mức là 25.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2.5%/01 tháng, lãi suất nợ quá hạn 150%, lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, ngày 11/01/2020 thì đến hạn.

Hợp đồng tín dụng trên được hai bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức nên căn cứ Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của Ngân hàng đã giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên ông T phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Theo các biên bản làm việc giữa Ngân hàng với ông T thì ông T đều thừa nhận và cam kết trả nợ, tuy nhiên ông không thực hiện theo thỏa thuận mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, thay đổi địa chỉ cư trú từ năm 2023 mà không thông báo cho Ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả nợ gốc của Ngân hàng đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ssố tiền nợ gốc còn thiếu là 19.971.629 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất của Ngân hàng S và ông T thống nhất theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã giao kết, ông T không có yêu cầu phản tố.

Khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 01/6/2020, do đó mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán nợ lãi quá hạn 3.9%/tháng là phù hợp theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Cụ thể: từ ngày 22/5/2020 đến ngày 22/11/2020, số tiền gốc là 29.971.623 đồng, 184 ngày x 38.963 đồng = 7.169.192 đồng;

Từ ngày 22/11/2020 đến ngày 17/6/2024, số tiền gốc là 19.971.629 đồng, 1303 ngày x 25.963 đồng = 33.829.789 đồng, tổng cộng lãi quá hạn ông T phải thanh toán là 40.998.981 đồng.

Ngoài ra theo mục 24 thì khách hàng còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ, do đó Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông T phải thanh toán phí liên quan và ông T đã thanh toán xong là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ssố tiền nợ lãi quá hạn còn thiếu tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 40.998.981 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ssố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.291.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002377 ngày 07/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Nguyễn Tiến T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 60.970.610 đồng x 5% = 3.048.530 đồng làm tròn là 3.048.600 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Tiến T.

Buộc ông Nguyễn Tiến T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 19.971.629 đồng, lãi quá hạn 40.998.981 đồng. Tổng cộng là 60.970.610 đồng (*Sáu mươi triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm mười đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.291.000 đồng (*Một triệu, hai trăm, chín mươi mốt nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002377 ngày 07/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Nguyễn Tiến T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 60.970.610 đồng x 5% = 3.048.530 đồng làm tròn là 3.048.600 đồng (*Ba triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm đồng*)

Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần S biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/6/2024. Ông Nguyễn Tiến T được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An